



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CUU HANG
Last Middle First

Current Address: T.21/Kh.1 P5. Dong Ha Town.

Date of Birth: 1950 Place of Birth: Binh Thuan Thien

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant of ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-1975 To 05-1980
Years: 05 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUONG	1956	wife
NGUYEN MINH TRI	1984	Son
NGUYEN MINH CHAU	1986	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR GDS APPLICATION

A.

A. BASIC INFORMATION :

17-7-1988

1. Name : NGUYEN CQU HUNG
2. Other names : No
3. Date/ Place of Birth : December 20th 1950 Lợ Bôn Village Phú Lợ district, Bình Trị Thiên province.
4. Residence Address : Tổ 21 Khóm I phường 5 Đông Hà town, BÌNH TRỊ THIÊN PROVINCE
5. Mailing address : Tổ 21 Khóm I phường 5 Đông Hà town, BÌNH TRỊ THIÊN PROVINCE

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS Relationship
1. NGUYEN THI MYUNG	1961	Triệu Phước, Triệu F		Wife - 19.
2. NAME		Hải, Bình Trị Thiên		
2. NGUYEN MINH THÁI	26.5.1984	Phú Ngọc, Tân Phú Đông Hải	M	Children
3. NGUYEN MINH CHAU	17.1.1986	Phú Ngọc, Tân Phú Đông Hải	M	Children

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : No

D. COMPLETE FAMILY LISTING : (LIVING/DEAD)

NAME	ADDRESS
1. Father : NGUYEN CQU CANH	Dead
2. Mother : VU THI CHAU	Phú Ngọc, Tân Phú Đông Hải
3. Spouse : NGUYEN THI MYUNG	Tổ 21 Khóm I phường 5 Đông Hà town
4. Former spouse : No	
5. Children :	
a. NGUYEN MINH THÁI	Tổ 21 Khóm I phường 5 Đông Hà town
b. NGUYEN MINH CHAU	Tổ 21 Khóm I phường 5 Đông Hà town
6. Siblings :	
1. NGUYEN THI THAO	Phú Ngọc, Tân Phú, Đông Hải
2. NGUYEN THI VU	Lợ Bôn, Phú Lợ, Bình Trị Thiên
3. NGUYEN CQU DUNG	Phú Hiệp, Tân Phú, Đông Hải

E. EMPLOYMENT BY USA GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOUR

1. Name of person employed : NGUYEN CQU HUNG
2. Date From : July 1968 To : July 1969
3. Title of (last) position held : CASHIER
4. Agency/ Company/ office : P.X CAMP EAGLE 101st US AIRBORNE OL Lợ
5. Name of (last) Supervisor : VIET SUPERVISOR : FIRST LEADERSHIP WELLS.
6. Reason for leaving : Go to VN Army
7. Training for job in Vietnam : No

F. SERVICE WITH GVN OR RVANF BY YOU :

1. Name of person serving : NGUYỄN CỬU HUNG
2. Date From : April 1969 To : April 1975 first Lieutenant
3. Last rank : First Lieutenant SERIAL NUMBER 70/209516, APO:4897
4. Ministry/ Office/ Military Unit : 123 Company Quảng Trị Sector
5. Name of supervisor : Colonel : ĐỖ KÝ
6. Reason for leaving : April 30th 1975
7. Name of american advisors forgot
8. US Training courses in Vietnam : Leadership Aí từ American training cauter
9. US Awards or Gertificater : Leadership certificate

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM : No

H. RE-EDUCATION OF YOU :

1. Name of person in Reeducation : NGUYỄN CỬU HUNG
2. Total time in Reeducation : 5 years From : Jyne 25th 1975
To : May 23rd 1980
3. Still in Reeducation : No

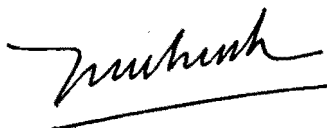
I. ANY ADDITIONAL REMARKS :

Mother & VŨ THỊ CHÁU , Phú Ngọc, Tân Phú, Đồng Nai

My real date of birth is April 20th 1950, all the army papers are also the same day. But when I was kept in Re-education camp the agent of the camp wrote by mistake April 20th 1945. So when I was free from Re-education camp. The paper of release is april 20th 1945. According to it. My deuthification card was issued by that day .

Signature

Date 17-7-1988



J. PLEASE LIST HERE ALL DOCCUMENTS ATTACHES TO THIS QUSSTIONAIRE .

- 2 birth certificates
- 1 marriage cortification
- 2 Indeutification cards
- 4 Pictures
- 1 Re-education .

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/03

Xã, Phường Phu Nhọ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Tân Phú

Ngày

Số 68

Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng

Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Hồng

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

20/12/1961

1961 (1961)

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Làm thợ

Thợ may

Nơi đăng ký

Xã Phú Nhọ

Xã Phú Nhọ

nhân khẩu

Huyện Tân Phú

Huyện Tân Phú

thường trú

Thị trấn Đà Nẵng

Thị trấn Đà Nẵng

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

27.066311

Đã đăng ký ngày 12 tháng 1 năm 1968

Người chồng ký

Người vợ ký

M. U.B.N.D.

Xã Phú Nhọ

Nguyễn Văn Hùng

Hồng

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Thị Hồng
Đã đăng ký

Ngày 31 tháng 5 năm 1989.

Kính gửi Chi Thơ!

Chị! Khiến những quả, chi? nói việc của chúng tôi, còn
gạo đình chi thì chẳng nói gì cả? Không biết gạo đình
chi đã đến tu chưa? anh chị và mấy cháu có khỏe
mạnh không? "Xin ơn tiên phò hộ cho gia đình chi
được khỏe như ý muốn." muốn nói chuyện với chi
rất nhiều việc rất nhiều điều để nói nhưng sợ lâu phiền
chị nên chi gọi ghém mấy câu như sau:

- Anh em chúng tôi rất may mắn có một người
như chi: quên quên lời riêng tư mà dốc toàn tâm,
toàn lực cho người khác, mang cái vui, cái hân
phúc cho người khác lâu năm vui cho bản thân mình
... đó là một điều khiến lẽ quý báu.

- Nhân dịp thời chi gạo đình tôi cảm động và hơi
hộp quá! Chắc chi đã hiểu tâm trạng của những người
mới mới, khác khác đời chỗ? ... Hằng phút, hằng
giây lo âu cho tương lai của con cái mình? Lớn lên
chất xám của nó có thể kể bằng hết hay vẫn mang nặng
lý lịch cha mình là ở quan chế độ cũ? Nó có được vào
Đại học hay bị tụt hổng vì cha mình là ở quan chế
độ cũ? Sau khi tốt nghiệp Đại học nó có tham dự vào
những vấn đề quan trọng hay không? Hay bị chùn bước vì mang
mặc cái mình là con của một ở quan chế độ cũ??? Cuộc
sống hằng ngày, tiếp xúc với đủ hạng người, bạn bè không
mặc lòng nhau được? và cứ mỗi lần mình bắt mình đứng
so sánh họ những họ có chút cái hay thế là họ kiêu
mình. "đồ ăn gạo, uống máu người, tởn bần nước, đồ
tay sai để quốc Mỹ...." Bản thân cứ thế mà dần
dần chịu đựng, vì hiện tại họ đang làm sai và mình
nói lại tức là mình phạm vào chế độ? Cứ vậy ăn lo
lại chóng chất lo âu, ảm ỉm!

Ồ, quên mất! lại lâu mất thì giờ của chi rồi đó,
xin lỗi nghe Chi Thơ, một lần nữa cầu mong ơn tiên
phò hộ gạo đình chi được Mạnh, Trẻ mãi mãi để
phụng sự công việc. À, hồ sơ của tôi là số mấy chi?

nhỉ? để khi nào viết thư hoặc bỏ thư gửi tờ cho chi
để dễ dàng, tiền đây gửi chi một năm ODP trong đó
là chi lần lạc, và đưa chi lần tại có thêm: Tỉnh BÌNH
TRÍ - THIÊN, và gửi phở tờ hôn thú được Xóa chủ Diên
từng chủ NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG đọc là: NGUYỄN THỊ
HƯƠNG Bình năm 1961.

Câu ở chi nhữn, tôi Kim ngừng bút nhé f.
Tai bút: * Hồ sơ tôi gửi qua 127 Thái Lan ngày 28/7/1988 số 557
họ báo lại: ngày 28-9-1988

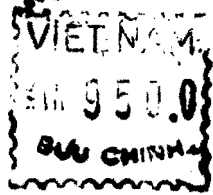
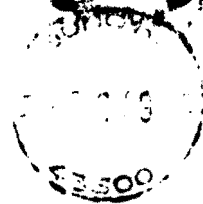
* Hồ sơ tôi gửi số Công An tỉnh Bình Trị thiên ngày 16-11-1988
số: HS. HTCT số 122/11/1988 + Bình Trị Thiên.

Nay Kim

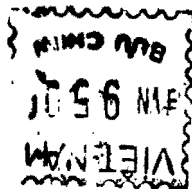
Nguyễn cửu Hưng

Kimhinh

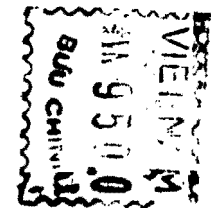
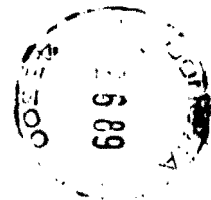
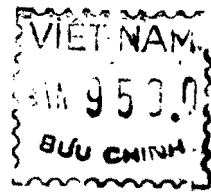
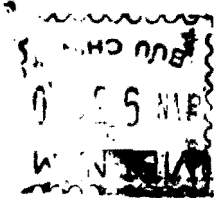
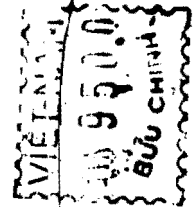
From: NGUYEN, CỬ HUNG
Tổ 21, Khóm 1 - phường 5
Thị xã Đông Hà
tỉnh BÌNH - TRỊ - THIÊN



To: KHUẾ MINH - THỎ
P.O BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
U.S.A



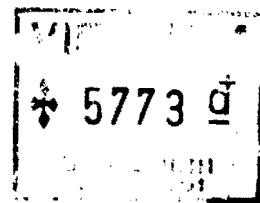
JUN 26 1989



56

FROM: ~
NGUYỄN CỬU HÙNG
Số 21, Khe I, phường 5
Thị xã Đông Hà.

PAR AVION



TO:
MRS. KHUC MINH THU
P.O BOX 5453
ARLINGTON V.A. 22205-0835
U.S.A

CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN UNG THƯ

CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ Y TẾ
TƯ ĐOÀN PHẠM PHÚC

Số 1440 /VTUT

17 / TẤY Y CHỨNG

Bác sĩ : Nguyễn Quốc Việt

Chức vụ : Bác sĩ chuyên khoa

Ký tên dưới đây nhận được :

anh, chị Thị Đình Việt

Nhờ nhiệm vụ : 0

Cơ quan :

Địa chỉ : X. Xã Xuân Thọ, Huyện Thanh Hóa

Vào viện ngày : 12/1/82

Họ và tên : 16/1/82

Đến viện ngày :

Có nhũn thương tích hay không : Không

Không thấy dấu hiệu tổn thương trên da
Nhũn thương tích và trên da :

Nếu không có dấu hiệu tổn thương và trên da cần n
tạm thời là :

Nay cấp y chứng này để :

Ngày 18 tháng 1 năm 1982

BỆNH VIỆN TRƯỞNG

[Signature]
B.S.T. Trưởng

[Signature]
B. Nguyễn Việt

VIỆN THƯ KÝ



BÀ THƯ LÊ PH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270760493**

Họ tên: **NGUYỄN VĂN C**

Sinh ngày: **19-11-1950**

Nguyên quán: **Thị trấn Phố Mới, Huyện Phố Mới, Tỉnh Lào Cai**

Nơi thường trú: **Thị trấn Phố Mới, Huyện Phố Mới, Tỉnh Lào Cai**

134p.100

134p.100



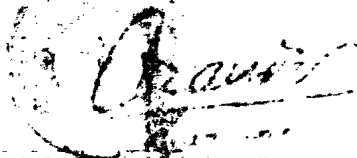
NGON THO THAI



NGON THO PHAI

TRAI THIEN

TRAI THIEN
GIAO DUC HOAC TRUONG TY CONG AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 27 06 63401

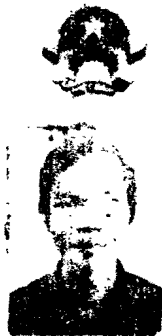
Họ tên: NGUYỄN VĂN HỒNG

Sinh ngày: 25-12-1945

Nguyên quán: xã Mỹ Khê, huyện Mỹ Xuyên

Nơi thường trú: P. 3, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Tên gọi: Ông Nguyễn Văn Hồng



Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chạm 3.4cm dưới
sau mồi phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 28 tháng 12 năm 1961



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Văn

Hùng Tấn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-01/TG, ban

Trên 3

thành phố

hành theo công văn số

2565 ngày 21 tháng 11

năm 1972

Số 4 GR

003.78.0886.2

GIẤY R. TRẠI

Theo thông tư số 906-HCT/TT ngày 31-12-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hành án văn quyết định tha số 0 ngày 22 tháng 4 năm 1973
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 1 tháng 5 năm 1955

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhận khám thương trả trước khi bị bắt

Cán bộ Trưởng ban đối ngoại

Bị bắt ngày 1/5/1973 tại phạt tập

Theo quyết định, án văn số 0 ngày 22 tháng 4 năm 1973 của Bộ Nội vụ

Đã được giám sát 1 năm, có 0 tháng 0 ngày 0

Nay về cư trú tại 1/1

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

biện pháp

theo đúng quy định của pháp luật

lao động một lực

theo tập quán gia đình trước khi bị bắt

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

theo đúng quy định của pháp luật

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Đã được thả vào trại cải tạo số 100

Họ, tên, chức vụ

người được cấp giấy

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Ngày 2 tháng 5 năm 1980

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

QUESTIONNAIRE FOR OPT APPLICATION .

A.

A. BASIC IDENTIFICATION :

1. Name : NGUYEN GIU HUNG
2. Other names : No
3. Date/ Place of Birth : December 20th 1950 Lọc Bón Village Phú Lộc district, Bình Trị Thiên province.
4. Residence Address : Tổ 21 khóm I phường 5 Đông Hà town
5. Mailing address : Tổ 21 khóm I phường 5 Đông Hà town.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. NGUYEN THI HUONG	1961	Triệu Phước, Triệu P			Wife -ip.
2. MANY		Hải, Bình Trị Thiên			
2. NGUYEN MINH TRÍ	10.5.1984	Phú Ngạc, Tân Phú	M		Children
		Đông Hải			
3. NGUYEN MINH CHAU	17.1.1986	Phú Ngạc, Tân Phú	M		Children
		Đông Hải			

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

1. Closest relative in the USA : No

D. COMPLETE FAMILY LISTING : (LIVING/DEAT)

NAME	ADDRESS
1. Father : NGUYEN GIU OANH	Dead
2. Mother : VŨ THỊ CHÁU	Phú Ngạc, Tân Phú Đông Hải
3. Spouse : NGUYEN THI HUONG	Tổ 21 khóm I phường 5 Đông Hà town
4. Former spouse : No	
5. Children :	
a. NGUYEN MINH TRÍ	Tổ 21 khóm I phường 5 Đông Hà town
b. NGUYEN MINH CHAU	Tổ 21 khóm I phường 5 Đông Hà town
6. Siblings :	
1. NGUYEN THI THẢO	Phú Ngạc, Tân Phú, Đông Hải
2. NGUYEN THI VÊ	Lọc Bón, Phú Lộc, Bình Trị Thiên
3. NGUYEN GIU DUNG	Phú Hiệp, Tân Phú, Đông Hải

E. EMPLOYMENT BY USA GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOUR

1. Name of person employed : NGUYEN GIU HUNG
2. Date From : July 1968 To : July 1969
3. Title of (last) position held : CASHIER
4. Agency/ Company/ office : P.X CAMP EAGLE 101st US AIRBORNE GIẶ LỘ
5. Name of (last) Supervisor : VIET SUPERVISOR : FIRST LEANUTENANT WELLS.
6. Reason for leaving : Go to VN Army
7. Training for job in Vietnam : No

F. SERVICE WITH OVN OR RVAMP BY XQH :

1. Name of person serving : NGUYEN GIU HUNG
2. Date From : April 1969 To : April 1975 First Lieutenant
3. Last rank : First Lieutenant
4. Ministry/ Office/ Military Unit : 123 Company Quang Tri Sector
5. Name of supervisor : Colonel : DU KY
6. Reason for leaving : April 30th 1975
7. Name of American advisors forget
8. US Training courses in Vietnam : Leadership of the American training center
9. US Awards or Certificate : Leadership certificate

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM : No

H. RE-EDUCATION OF XQH :

1. Name of person in Reeducation : NGUYEN GIU HUNG
2. Total time in Reeducation : 5 years From : June 25th 1975 To : May 23rd 1980
3. Still in Reeducation : No

I. ANY ADDITIONAL REMARKS :

Mother is VO THI CHAU , Phu Ngoc, Tan Phu, Dong Nai
My real date of birth is April 20th 1950, all the army papers are also the same day. But when I was kept in Re-education camp the agent of the camp wrote by mistake April 20th 1945. So when I was free from Re-education camp. The paper of release is April 20th 1945. According to it, My identification card was issued by that day.

Signature

Date

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE .

- 2 birth certificates
- 1 marriage certification
- 2 Identification cards
- 4 Pictures
- 1 Re-education .

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn phước Mỹ
Tỉnh Đà Nẵng
Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu 1/H12/P3

GIẤY KHAI SINH

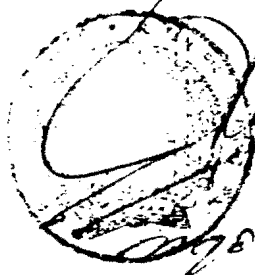
Số: 016
Quyển: 01

Họ và tên	<u>NGUYỄN MINH CHÂU</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>17-2-1986</u> ngày mùng 17 tháng 2 năm mười chín trăm tám mươi sáu		
Nơi sinh	<u>phước Mỹ - xã Phước Mỹ - Đà Nẵng</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>NGUYỄN VĂN TÙNG</u> <u>sinh 12-1945</u>	<u>NGUYỄN THỊ HUỆNG</u> <u>sinh 12-1941</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm dạy cấp 3, phước Mỹ - Đà Nẵng</u>		
Nơi ĐKKK thường trú	<u>phước Mỹ - xã Phước Mỹ - Đà Nẵng</u>		
Họ tên tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Hùng, sinh 12-1945</u> <u>phước Mỹ - xã Phước Mỹ - Đà Nẵng</u> <u>Số CMND 0100000001</u>		

Đang ký ngày 28 tháng 02 năm 1986
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

T/M N. N. D. D.

Độc chủ tịch



Độc chủ tịch

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MỎC HUYẾT

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn Đông Ngạc

Thị xã, Quận Đống Đa

Thành phố, Tỉnh Hà Nội

GIẤY KHAI SINH

Số 152

Quyển số 02



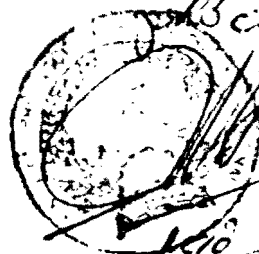
Họ và Tên	<u>NGUYỄN VĂN TÀI</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>10/10/1951</u>		
Nơi sinh	<u>Đông Ngạc, Quận Đống Đa, Hà Nội</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Tài</u> <u>20/10/1951</u>	<u>Nguyễn Thị Hằng</u> <u>20/10/1951</u>	
Dân tộc	<u>Việt</u>	<u>Việt</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Trẻ em</u>	<u>Trẻ em</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Hà Nội</u>	<u>Hà Nội</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng mình hoặc GNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Tài</u> <u>10 tuổi</u> <u>Đông Ngạc, Quận Đống Đa, Hà Nội</u> <u>10/10/1951</u>		

Đã ký ngày 10 tháng 10 năm 1951

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Khoảng 0/00

LÝ BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Việt Nam

Điện lập — Tư do — Hành phúc

QĐ số

Huyện, Quận Tân Phú

Ngày

Tỉnh, Thành phố Áng Hai

Số 65

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Diệu Hương

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi 22/12/1945

1956

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Làm Rẫy

làm Rẫy

Nơi đăng ký

ở xã Việt Nam

xã Việt Nam

nhân khẩu

huyện Tân Phú

huyện Tân Phú

thường trú

Thị trấn - Núi

Thị trấn - Núi

Sở giấy chứng minh nhân dân

hoặc hộ chiếu 22/06/1945

Đăng ký ngày 12 tháng 1 năm 1955

Người chồng ký

Người vợ ký

"M. U.B.N.D. Xã Việt Nam

Nguyễn Văn Hùng

Hg

Nguyễn Thị Diệu Hương



Chị Diệu Hương



NGUYỄN
THỊ
HƯƠNG

NGUYỄN
CỎ
HÙNG

NGUYỄN
MINH
TRÌ

NGUYỄN
MINH
CHÂU

CONTROL

☒ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☒ Computer 5-27-89
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Letter

5/5